TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HC-PT
Ngày 26-02-2019
V/v khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Bà Lê Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lí số 275/2018/TLPT-HC ngày 04 tháng 9 năm 2018 về "*Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1171/QĐ-PT ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số A, đường B, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Ch, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số B đường G, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 13/7/2019); có mặt

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định (sau đây gọi tắt là UBND);

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1959; chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Y;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Kim T1, sinh năm 1966; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện, (văn bản ủy quyền ngày 06/02/2018);

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Quê, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; có mặt;

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; có mặt;

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; có mặt;

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; có mặt;

- Chị Nguyễn Thị H1; vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị H3; vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1979; có mặt;

- Anh Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1982; có mặt;

- Chị Nguyễn Thị B1; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của chị H1, chị H2, chị H3, chị B1 và anh Th là bà Nguyễn Thị H (văn bản ủy quyền ngày 05/5/2018).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Huê: Ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Anh T, Luật sư Công ty luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST, ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, nội dung vụ án như sau:

Thửa đất số 497, tờ bản đồ địa chính số 12 xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định lập năm 1985 có diện tích 644 m2, năm 1993 là thửa số 505, tờ bản đồ địa chính

số 12 diện tích 740 m^2 đứng tên bố ông Nguyễn Văn Q là ông Nguyễn Văn Đ; bố ông Q mất năm 1981, mẹ ông Q là bà Hoàng Thị T, mất tháng 02/2001. Sau khi mẹ ông Q mất, UBND huyện Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất số X 751634, ngày 25/9/2003 đối với thửa đất số 505 tờ bản đồ số 12 diện tích 247 m^2 đứng tên bà Hoàng Thị T và GCNQSD đất không số, ngày 20/5/2005 thửa đất số 505 tờ bản đồ số 12 diện tích 246 m^2 cho ông Nguyễn Trọng Th1. Do thửa đất số 505 tờ bản đồ số 12 đứng tên Đ, nên việc cấp 02 GCNQSD đất trên đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Q khởi kiện đề nghị Tòa án hủy 02 GCNQSD đất nêu trên.

** Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Ông, bà ngoại của ông Nguyễn Văn Q là ông Tự Phúc Q và bà Hiệu Từ T3 có 04 người con là ông Hoàng Đình Nh (mất năm 1941); bà Hoàng Thị M (mất năm 1996); bà Hoàng Thị T là mẹ ông (mất ngày 02/02/2001); ông Hoàng Đình Còng đã mất khi còn nhỏ. Ông Hoàng Đình Nh có vợ nhưng không có con nên nhận ông Nguyễn Trọng Th1 về làm con nuôi, khi vợ chồng ông Nhông qua đời các cụ đã trả ông Th1 về với bố mẹ đẻ nên không liên quan. Cụ Tự Phúc Q và cụ Hiệu Từ T3 chết đi để lại 01 nhà và diện tích đất ở 364 m^2 và diện tích 740 m^2 đất ao. Năm 1960 bà Hoàng Thị M và chồng là ông Ninh Đức X từ Thái Lan về nước, các anh em bên ngoại đã thống nhất về nhà đất giao cho Hoàng Thị M quản lý để ở và làm nhà thờ các cụ; về ao thả cá bà Hoàng Thị T quản lý được đứng tên chồng là ông Nguyễn Văn Đ. Việc này được thể hiện tại bản đồ địa chính xã Y lập năm 1985 thuộc thửa 497, tờ bản đồ số 12 có diện tích 644 m^2 và năm 1993 thửa đất số 505 với diện tích 744 m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, cũng như đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Huệ, gữ nguyên Bản án sơ thẩm.

** Người bị kiện là UBND huyện Y (do bà Trịnh Thị Kim T1, Phó chủ tịch UBND) là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Theo bản đồ địa chính xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định lập năm 1985 thì thửa đất số 497, tờ bản đồ số 12 có diện tích là 644 m^2 chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Đ (bố ông Nguyễn Văn Q); đến năm 1993 theo bản đồ địa chính xã Y thì thửa đất trên là thửa số 505 tờ bản đồ số 12 có diện tích là 744 m^2, chủ sử

dụng vẫn là ông Nguyễn Văn Đ. Nhưng theo bản đồ địa chính lập năm 1993 chỉnh lý năm 2000 (hồ sơ kiểm kê đất đai năm 1995 - 2000), thửa đất số 505 tờ bản đồ số 12 có diện tích 744 m^2 thì chủ sử dụng đứng tên ba người, gồm: Ông Nguyễn Trọng Th1 (diện tích 246 m^2); bà Hoàng Thị T (diện tích 247 m^2); ông Ninh Đức A (diện tích 247 m^2).

Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất ao của ông Nguyễn Trọng Th1 và bà Hoàng Thị T đều thiếu: Không có hồ sơ chia tách diện tích đất ao cho ba hộ; không có thủ tục tặng cho, chuyển nhượng, thừa kế quyền sử dụng đất; không có văn bản của Hội đồng kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, văn bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Y; đơn đăng ký quyền sử dụng đất của Bà T làm sau khi Bà T chết hơn ba tháng.

Như vậy, về trình tự, thủ tục lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Nguyễn Trọng Th1 và bà Hoàng Thị T có vi phạm, chưa đúng quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huê, cũng là người đại diện cho các con bà Huê và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Huê trình bày:*

Nguồn gốc đất ao bà được cấp GCNQSD đất do các cụ để lại cho chồng bà là ông Nguyễn Trọng Th1, gia đình bà đã sử dụng ổn định từ trước đến nay và làm nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước đầy đủ. Năm 1987 Nhà nước chia ruộng đất phần trăm mỗi nhân khẩu được chia 2,5 thước ruộng, thời điểm đó gia đình bà 05 khẩu nên được chia 12,5 thước, nhưng vì gia đình bà sử dụng ao nên đã bị trừ đi; ông Nguyễn Trọng Th1 được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất đối với 246 m^2 đất ao là hợp pháp. Vì vậy, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, đề nghị giữ nguyên GCNQSD đất đã cấp cho ông Th1.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ Điều 50; Điều 122; Điều 127; Điều 129 Luật đất đai năm 2003. Căn cứ Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 751634 ngày 25/9/2003, thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12, diện tích 247 m^2 đứng tên bà Hoàng Thị T và Giấy chứng nhận

quyền sử đất không số ngày 20/5/2005 thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12, diện tích 246 m^2 đứng tên ông Nguyễn Trọng Th1 của UBND huyện Y, tỉnh Nam Định

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 24/2018/QĐ-TA về sửa chữa bổ sung bản án, trong đó thể hiện sửa chữa, bổ sung: GCNQSDĐ không số (của ông Nguyễn Trọng Th1) thành GCNQSDĐ số X733473.

Ngày 19/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo một phần Bản án số 02/2018/HC-ST ngày 06/7/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Định theo hướng sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Q giữ nguyên nội dung khởi kiện và người đại diện của ông Q trình bày như sau: Bà Huê có yêu cầu độc lập sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra, giao nộp chứng cứ là trái quy định của Luật tố tụng hành chính, nên không chấp nhận; việc cấp GCNQSD đất cho Bà T và ông Th1 đối với thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12 khi chưa có văn bản phân chia thừa kế của ông Đ là không đúng trình tự; tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay, đại diện UBND huyện Y đã thừa nhận trình tự cấp GCNQSD đất là không đúng nên đã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ đó thấy rằng, Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của bà Huê, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Đại diện người bị kiện là UBND huyện Y trình bày: UBND huyện thừa nhận trình tự, thủ tục cấp 02 GCNQSD đất cho Bà T và ông Th1 là chưa đúng trình tự như đã trình bày; Bản án sơ thẩm đã tuyên hủy 02 GCNQSD đất đó là có căn cứ, UBND đồng tình và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo và bà cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà trình bày như tại phiên tòa sơ thẩm và cho rằng: Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã ra Bản án không đúng quy định pháp luật, bởi vì: GCNQSD đất mà UBND huyện Y đã cấp cho ông Nguyễn Trọng Th1 đối với thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12 diện tích 246 m^2 là GCNQSD đất số X733478, nhưng Bản án sơ thẩm lại xác định là GCNQSD đất

không số; Bản án nhận định xác định nguồn gốc thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12 là của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị T là phiến diện, không xem xét khách quan, vì nguồn gốc đất là của cụ Hoàng Hữu Ch (ông nội của Bà T); năm 1960 ông Quýnh (con cụ Chiêm) đã chia đất ao trên cho 03 người là ông Th1, Bà T, bà Minh và gia đình ông Th1 sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Vì vậy, bà Huê đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bà để sửa Bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác giữ nguyên ý kiến như tại phiên tòa sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bà Huê kháng cáo yêu cầu tuyên sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Q là không có căn cứ, vì cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo về việc cấp sơ thẩm xác định GCNQSD đất cấp cho ông Th1 không số là do UBND huyện cấp bản sao số mờ không xác định được; sau đó đã được xác định và cấp sơ thẩm đã có quyết định sữa chữa, bổ sung Bản án, nên kháng cáo của bà Huê không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Huê, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là GCNQSD đất của UBND huyện Y, tỉnh Nam Định đã cấp cho bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Trọng Th1 đối với thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12 tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; đây là Quyết định hành chính cá biệt của UBND huyện Y về quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và là thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Mặc dù GCNQSD

đất cấp cho Bà T vào ngày 20/5/2003 và cấp cho ông Th1 vào ngày 25/5/2005 nhưng đến ngày 01/6/2017 ông Nguyễn Văn Q mới chính thức biết được việc cấp GCNQSD đất cho Bà T và ông Th1, ngày 20/11/2017 ông Nguyễn Văn Q làm đơn khởi kiện là đang trong thời hạn 01 năm nên đang còn thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật, nhưng chưa đầy đủ là không đưa UBND xã Y, huyện Y vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, việc xác định thiếu UBND xã Y không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự, đặc biệt là quyền lợi của UBND xã Y; hơn nữa trong hồ sơ vụ án cũng đã có kết quả giải quyết khiếu nại của UBND xã và đã thể hiện được quan điểm của UBND xã trong việc cấp GCNQSD đất cho Bà T và ông Th1, nên không cần thiết hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại, nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Xét nguồn gốc thửa đất: Thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định có nguồn gốc của cụ Tự Phúc Q và cụ Hiệu Từ T3. Tuy nhiên, theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1985 là thửa đất số 497, tờ bản đồ số 12 có diện tích 644 m^2 và đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Đ (bố của ông Nguyễn Văn Q). Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1993 là thửa số 505, tờ bản đồ số 12 chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Đ. Theo bản đồ địa chính lập năm 1993 chỉnh lý năm 2000 thì thửa đất trên đứng tên chủ sử dụng là 03 người, gồm: Bà T, ông Th1 và ông A. Tuy nhiên, kiểm tra hồ sơ địa chính tại xã Y qua các thời kỳ từ năm 1985 đến năm 1993 không có văn bản, chứng cứ thể hiện thửa đất đã được chia tách hợp pháp cho 03 hộ trên, nên xác định việc chia tách thửa đất này chưa được thực hiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, theo hồ sơ địa chính thì ông Nguyễn Văn Đ vẫn đứng tên chủ sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu đưa 03 người làm chứng tham gia tố tụng đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, nhưng căn cứ lời khai của những người làm chứng không thống nhất với nhau như lời khai của bà Ninh Thị G cho rằng thửa đất số 505 là diện tích đất ao do 03 người (ông A, ông Đ, ông Th1) sử dụng chung; ông Nguyễn Trọng B cho rằng diện tích ao do 03 người trên sử dụng chung và 246 m^2 ao ông Th1 được cấp GCNQSD đất đã trừ vào ruộng phần trăm của gia đình ông Th1; còn ông Nguyễn Hữu T4 cho rằng thửa đất số 505 tờ bản đồ số 12 có nguồn gốc của cụ Hoàng Hữu Ch để lại. Hơn nữa, những người làm chứng chỉ khai nhận như vậy nhưng không có tài liệu gì chứng minh cho lời khai của mình về việc phân chia thửa đất, nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu hủy 02 GCNQSD đất mà UBND huyện Y đã cấp cho bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Trọng Th1 thấy rằng: Việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân của UBND huyện Y là đúng thẩm quyền theo Luật đất đai năm 2003. Tuy nhiên, xét về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất chưa đúng có sự vi phạm nghiêm trọng pháp luật, cụ thể:

Căn cứ các tài liệu thu thập được thể hiện bà Hoàng Thị T chết ngày 02/2/2001, nhưng đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của Bà T thể hiện ngày 20/5/2001 (có sau khi Bà T chết 3 tháng 18 ngày); nhưng UBND xã Y vẫn xác nhận vào đơn để đề nghị và UBND huyện Y đã căn cứ vào đơn đó để lập hồ sơ, cấp GCNQSD đất cho Bà T khi Bà T đã chết là trái quy định.

Theo bản đồ địa chính lập năm 1985 thửa đất số 497, năm 1993 thửa đất số 505, tờ bản đồ số 12 đều thể hiện chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Đ; đến năm 2000 chỉnh lý bản đồ địa chính năm 1993 lại thể hiện đứng tên 03 người, nhưng không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện thửa đất đó đã được chia tách, tặng cho, thừa kế hay chuyển nhượng; hồ sơ không có văn bản của Hội đồng kê khai đăng ký quyền sử dụng đất xã Y, không có văn bản thẩm định của Phòng tài nguyên và môi trường, là cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND huyện Y. Quá trình giải quyết vụ án phía người bị kiện là UBND huyện Y, cũng như ý kiến của UBND xã Y đều thừa nhận việc cấp 02 GCNQSD đất cho Bà T và ông Th1 là sai quy trình, trái pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của ông Q hủy 02 GCNQSD đất nêu trên là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bà Huê về nội dung cấp sơ thẩm xác định đối tượng tuyên hủy là GCNQSD đất không số, ngày 20/5/2005 cấp cho ông Nguyễn Trọng Th1 là không chính xác, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thiếu thận trọng trong việc xác định GCNQSD đất cấp cho

ông Th1 là GCNQSD đất không số, nhưng thực chất là GCNQSD đất có số X 733478, đây là sự sai sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, sai sót này không ảnh hưởng đến bản chất vụ án cũng như quyền lợi của các bên đương sự; hơn nữa sau khi tuyên án, cấp sơ thẩm đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án xác định lại đúng đối tượng là GCNQSD đất số X 733478, nên cũng không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tổng hợp những phân tích trên thấy rằng: Tuy trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có những vi phạm, nhưng đây không phải là những vi phạm nghiêm trọng làm thay đổi bản chất vụ án, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Huê giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí hành chính phúc theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thi H phải nộp 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000605 ngày 19/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định; xác nhận bà Nguyễn Thi H đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thái Duy Nhiệm